TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST Ngày: 05-3-2024 V/v: "Ly hôn, nuôi con chung giữa chị T và anh H"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Trần Văn Kiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã D, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Xóm 7, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 2, xã D, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

(Chị T, anh H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04-01-2024 và quá trình giải quyết tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H đăng ký kết hôn với nhau ngày 18-4-2011 tại Uỷ ban nhân dân xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh H được một thời gian ngắn thì ra ở riêng tại xóm 2, xã D. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 2/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H tính tình gia trưởng, thường quyết đáp mọi việc trong gia đình, không tôn trọng chị T. Ngoài ra, anh H có tính ghen tuông vô cớ nên thường đánh chửi chị T. Năm 2022, chị T và anh H đã từng sống ly thân khoảng nửa năm,

anh H đã xin lỗi chị T để vợ chồng về đoàn tụ. Vì thương con nên chị T đã quay về chung sống cùng anh H. Tuy nhiên, sau đó anh H vẫn không thay đổi tính nết nên ngày 05-01-2024, anh H đã đuổi chị T ra khỏi nhà, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn anh H để vợ chồng giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Diệu A, sinh ngày 25-02-2012 và Vũ Thiên X, sinh ngày 06-01-2014, hiện nay hai con đang ở cùng anh H. Từ khi sống ly thân đến nay anh H không cho chị thăm đón các con chung. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A, để cháu X cho anh H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện chị T đang làm công nhân may tại công ty TNHH Maxport Limited tại xã Hải Hưng có mức thu nhập từ 9.000.000đ - 10.000.000đ một tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-02-2024, bị đơn anh Vũ Văn H có lời khai trình bày: Anh H không nhất trí ly hôn vì vợ chồng anh theo đạo Thiên chúa giáo nên không được phép ly hôn. Các văn bản của Tòa án giao cho anh H, anh H chỉ nhận để biết chứ không nhất trí ký. Theo anh H, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị T đi ngoại tình với người khác. Ngày 08-01-2024 do chị T tự ý gấp quần áo bỏ đi chứ anh H không đánh đuổi chị T.

Về con chung: Anh H có lời khai thống nhất với chị T về hai con chung, hiện hai con đang ở cùng anh H. Nay nếu phải ly hôn, các con có nguyện vọng ở với ai thì tùy các con, anh H không ép các cháu. Con nào muốn ở cùng anh H thì anh H nhận nuôi, nếu cả hai con đều muốn ở cùng anh thì anh H nuôi dưỡng cả hai và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh H làm nghề sửa chữa xe máy có thu nhập trung bình từ 15.000.000đ - 17.000.000đ một tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh H không nhất trí ly hôn nên không đến Tòa án làm việc, anh H đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 21, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội Đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H. Về con chung: Giao cháu Vũ Diệu A cho chị Nguyễn Thị T và giao cháu Vũ Thiên X cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp. Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Vũ Văn H đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 18-4-2011. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 02/2022 thì mâu thuẫn và sống ly thân từ ngày 05-01-2024 cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H xuất phát từ tính cách của hai người không hợp nhau, chị T cho rằng do tính tình anh H gia trưởng, quyết đáp mọi việc trong gia đình nên chị nhận thấy mình không được tôn trọng. Mặt khác, vợ chồng còn có mâu thuẫn về mặt tình cảm, hai bên không còn tin tưởng nhau nên anh H nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Từ đó, vợ chồng thường hay xảy ra xô xát, tranh cãi, cuộc sống chung không còn hòa hợp, hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã biết được yêu cầu xin ly hôn của chị T nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Mặc dù anh H không nhất trí ly hôn nhưng cũng không đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí duy trì quan hệ hôn nhân với chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Diệu A, sinh ngày 25-02-2012 và Vũ Thiên X, sinh ngày 06-01-2014, hai cháu đang ở cùng anh H. Xét điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của chị T và anh H cũng như nguyện vọng của con chung thì thấy: Chị T hiện nay đang ở cùng bố mẹ đẻ ở xóm 7, xã L, anh H ở tại nhà của hai vợ chồng, hai bên đều có công việc thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện nuôi con chung; chị T đề nghị nhận nuôi cháu A, để anh H nuôi cháu Ân, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; anh H có ý kiến tùy nguyện vọng của các con muốn ở với ai anh cũng nhất trí không ép buộc; do cháu A có nguyện vọng ở cùng chị T, cháu Ân có nguyện vọng ở cùng anh H. Vì vậy, cần giao cho chị T và anh H mỗi bên trực tiếp nuôi một con chung là đảm bảo công bằng về quyền và nghĩa vụ của cả hai bên đối với con chung. Giao cháu Vũ Diệu A cho chị T, giao cháu Vũ Thiên X cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai con thành niên; chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Diệu A, sinh ngày 25-02-2012 cho chị Nguyễn Thị T; giao cháu Vũ Thiên X, sinh ngày 06-01-2014 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Anh H phải có nghĩa vụ bàn giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003015 ngày 16-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Đê **Trần Văn Kiêm** **Vũ Văn Ái**